

Niệm Phật phải vì thoát sinh tử

(HT.Thích Thiên Tâm)



Niệm Phật phải vì thoát sanh tử

(Lược trích: Niệm Phật Thập yếu

Chương I: Đệ nhất yếu – HT. Thích Thiên Tâm)

MỤC LỤC

Chương I: Đệ Nhất Yếu	4
Niệm Phật Phải Vì Thoát Sanh Tử	4
Mục A. Môn Tịnh Độ, Một Pháp Hợp Thời Cơ	4
Tiết 1: Bắc Phương Phật Giáo Với Nhân Duyên Tịnh Độ	4
Tiết 2: Những Huyền Kỳ Về Tịnh Độ	5
Tiết 3: Sự Chuyển Hướng Từ Thiên Sang Tịnh	8
Mục B. Môn Tịnh Độ Với Vấn Đề Sanh Tử	11
Tiết 4: Niệm Phật Thế Nào Mới Hợp Với Bản Ý Của Phật?	11
Tiết 5: Tám Mối Khổ Lớn	16
Mục C. Biết Khổ Phải Ý Thức Đến Sự Giải Thoát	23
Tiết 6: Quán Về Sự Khổ Luân Hồi	23
Tiết 7: Muốn Sớm Thoát Khổ, Nên Tu Tịnh Độ	27
Mục D: Đường sanh tử nhiều nguy hiểm	36
PHÁP-YẾU-TU-HÀNH	47

Khải Đề

*Nhìn gấm đường trần đầy khổ nhọc
Lòng tưởng Tây Phương cõi Thiên Trúc
Đầu non trắng sáng tiếng chuông ngân
Canh khuya cầm quyển Lăng Nghiêm đọc.*

Chương I: Đệ Nhất Yếu

Niệm Phật Phải Vì Thoát Sanh Tử

Mục A. Môn Tịnh Độ, Một Pháp Hợp Thời Cơ

Tiết 1: Bắc Phương Phật Giáo Với Nhân Duyên Tịnh Độ

* Theo thông lệ ở thiên môn Việt Nam, vào thời khóa đầu hôm, chư Tăng Ni các chùa đều tụng Kinh A Di Đà, tiếp theo niệm hồng danh của Tây Phương Tam Thánh (Di Đà, Quán Âm, Thế Chí). Và hàng Phật tử xuất gia hoặc tại gia, khi gặp người đồng đạo, đều chấp tay chào mừng bằng "A Di Đà Phật."

* Pháp môn Niệm Phật, quả thật đã ứng hợp với thời cơ, với bản hoài của Phật mà âm thầm đi sâu vào tiềm thức Phật tử Việt Nam. Chẳng những tại đất nước này, mà ở Trung Hoa, Triều Tiên, nơi nào có Phật Giáo lưu hành, là nơi đó hầu hết hàng Phật tử đều không quên câu niệm Phật. Phật Giáo đồ ở Nhật Bản cũng có truyền thoại như sau: "Mật Tông và Thiên Thai Tông để cho hàng quý phái, Thiên Tông cho võ sĩ đạo, và Tịnh Độ Tông cho hạng bình dân. Mà bình

dân là hạng chiếm đa số”. Xem thế thì biết ở các xứ Bắc Tông Phật Giáo, những người xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà chiếm phần tối đa.

Nhưng tại sao lại có sự kiện như thế?

Tiết 2: Những Huyền Kỳ Về Tịnh Độ

1. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, đức Thích Tôn có lời huyền ký:

“Đời tương lai kinh đạo diệt hết, ta dùng lòng từ bi thương xót, riêng lưu trụ kinh này (Vô Lượng Thọ Kinh) trong khoảng một trăm năm. Nếu chúng sanh nào gặp kinh này, tùy ý sở nguyện, đều được đắc độ”.

(Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bá tuế. Kỳ hữu chúng sanh tri tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ. - Vô Lượng Thọ Kinh.)

2. Nơi Kinh Đại Tập, đức Thế Tôn đã bảo:

“Trong đời mạt pháp, ức ức người tu hành, ít có kẻ nào đắc đạo, chỉ nương theo pháp môn Niệm Phật mà thoát luân hồi.”

(Mạt pháp ực ực hơn tu hành, hãn nhứt đắc đạo, chỉ y Niệm Phật pháp môn, đắc liễu sinh tử. - Đại Tập Kinh).

3. Ngài Thiên Như thiên sư, sau khi đắc đạo cũng đã khuyên dạy:

“Mạt pháp về sau, các kinh diệt hết, chỉ còn lưu bốn chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sanh. Nếu kẻ nào không tin, tất sẽ bị đọa địa ngục.”

(Mạt pháp chi hậu, chư kinh diệt tận, chỉ lưu A Di Đà Phật từ từ cứu độ chúng sanh. Kỳ bất tín giả, ưng đọa địa ngục. - Thiên Như ký ngữ).

Bởi đời mạt pháp về sau khi các kinh đều ẩn diệt, chúng sanh căn cơ đã yếu kém, ngoài câu niệm Phật, lại không biết pháp môn nào khác để tu trì. Nếu không tin câu niệm Phật mà tu hành, tất phải bị luân hồi. Và trong nẻo luân hồi, việc lành khó tạo, điều ác dễ làm, nên sớm muộn gì cũng sẽ bị đọa địa ngục.

4. Ấn Quang pháp sư, một bậc cao tăng cận đại ở Trung Hoa, cũng đã bảo:

“Thời mạt pháp đời nay, chúng sanh nghiệp nặng tâm tạp. Nếu ngoài môn Niệm Phật mà tu các pháp

khác, nơi phần gieo trí huệ phước đức căn lành thì có, nơi phần liễu thoát luân hồi trong hiện thế thì không. Tuy có một vài vị cao đức hiện những kỳ tích phi thường, song đó đều là những bậc Bồ Tát nương theo bản nguyện mà làm mô phạm để dẫn dắt chúng sanh đời mạt pháp như trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói. Nhưng các vị ấy cũng chỉ vừa theo trình độ chúng sanh mà thị hiện ngộ đạo chứ không phải chứng đạo. Chỉ riêng pháp môn Tịnh Độ, tuy ít người tu chứng được Niệm Phật Tam Muội như khi xưa, nhưng có thể nương theo nguyện lực của mình và bản nguyện của Phật A Di Đà mà đới nghiệp vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc. Khi về cõi ấy rồi thì không còn luân hồi, không bị thôi chuyển, lần lần tu tập cho đến lúc chứng quả Vô Sanh.”

5. Kết luận:

Những lời huyền ký như trên cho chúng ta thấy pháp môn Niệm Phật rất hợp với nhân duyên thời tiết, và trình độ căn cơ chúng sanh đời nay. Vì thế đức Như Lai mới dùng nguyện lực bi mẫn lưu trụ Kinh Vô Lượng Thọ để khuyến hóa về môn Niệm Phật. Lại, chư Bồ Tát, Tổ Sư cũng khởi lòng hoằng nguyện

thương xót, tùy theo thời cơ, chỉ dạy pháp môn Tịnh Độ để cứu vớt chúng sanh.

Do những sức nguyện ấy, mà môn Tịnh Độ được phổ cập trong phần đông quần chúng.

Tiết 3: Sự Chuyển Hướng Từ Thiền Sang Tịnh

1. Từ xưa, môn Thiền Trục Chỉ rất thanh hành:

Từ xưa, môn Thiền Trục Chỉ rất thanh hành ở Trung Hoa, Triều Tiên và Nhật Bản. Nước Việt Nam ta dân tánh giàu về trực giác, lại được ảnh hưởng bởi Phật Giáo Trung Quốc, nên khi xưa Thiền Tông hầu như ở ngôi vị độc tôn. Nhất là vào đời Lý, Trần, tăng ni có cả nửa thiên hạ và hầu hết đều tu Thiền. Thời ấy Phật Giáo ở Việt Nam cực thịnh, nhiều cảnh già lam tăng chúng vân tập rất đông.

Bởi thế nên mới có lời truyền ngữ: *"Tăng phòng tam thiên ốc, sai tảo thất thập phu."*

Câu này nói lên sự hưng thịnh của Phật Giáo bấy giờ qua ý nghĩa: *"Phòng chư tăng nhiều tới ba*

ngàn gian, mỗi buổi sáng phải dùng đến bảy mươi người mới quét dọn kịp."

2. Nhưng cơ duyên cũng theo thời mà chuyển biến.

Trung Hoa từ đời Tống về sau, chư tôn túc như các ngài: Nhất Nguyên, Thiên Như, Ngẫu Ích, Triệt Ngộ, Liên Trì..., sau khi tham ngộ Thiền Tông, quán xét thời cơ, vì lòng thương xót lợi sanh, hết sức hoằng dương pháp môn Tịnh Độ. Sự lần lần chuyển hướng từ Thiền sang Tịnh khởi sanh từ lúc đó. Khi ấy có rất nhiều vị thiền đức khác tuy bên ngoài truyền bá tông Thiền, nhưng bên trong lại mật tu Tịnh Độ, để bảo đảm không thoái đạo. Đây có thể gọi là thời kỳ Thiền Tịnh song hành. Cho nên trong một ngôi chùa trước kia chỉ có Thiền Đường, bây giờ lại thêm Niệm Phật Đường để cung ứng cho chư tăng tu tập.

Bắt đầu từ đời Nguyên, Minh, Thanh về sau, thế lực của Thiền Tông lần suy kém, bởi ít người tu chứng. Trái lại, môn Niệm Phật lại lần chiếm ưu thế, tăng tục nhiều kẻ tu Tịnh Độ được vãng sanh. Bây giờ tuy Thiền Tông vẫn lưu hành, nhưng trên thật tế chính là thời kỳ Tịnh Độ đã nắm quyền hướng dẫn. Bởi ảnh

hưởng đó mà ở Việt Nam, môn Niệm Phật hầu như phổ cập. Sau này do ảnh hưởng của sự chấn hưng Phật Giáo trong nước và sự hoằng hóa của chư Tăng Ni du học từ Nhật Bản và các xứ Nam Tông Phật Giáo trở về, Thiền Tông Việt Nam có lẽ sẽ tái phục. Nhưng sự thật phần đông hành giả duy hợp tu về giáo như Chỉ Quán Thiền, hoặc Tứ Thiền Bát Định, chớ khó nổi tham cứu thoát đầu thật hành môn Thiền Trục Chỉ của bên tông như thuở xưa.

- Có kẻ bảo: *“Căn tánh của ta vị tất chẳng bằng cổ nhơn, chỉ tại ta tự khinh nên không cố gắng”*:

Sự tự lực cố gắng tuy lúc nào cũng đáng khuyến khích, nhưng lời này thật ra không đúng. Nếu căn tánh phần đông chẳng kém, tại sao Phật nói có ba thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp? Và tại sao trong các kinh khác cũng nói đến năm thời kiên cố, từ Chánh Pháp Kiên Cố cho đến Đấu Tranh Kiên Cố? Và lại, Tam tạng kinh điển thời nay tăng thêm nhiều và đầy đủ hơn xưa, tại sao người tu chứng tuyệt ít? Có phải do thời nay căn cơ của quần chúng phần đông đều yếu kém chăng?

- Ấn Quang đại sư bảo:

“Như mùa hạ mặc áo vải, mùa đông mặc áo bông. Sự tu hành cũng thế, không thể trái thời tiết cơ duyên được. Dù đức Đạt Ma tổ sư tái hiện ngay lúc này, nếu muốn hợp thời cơ để cứu độ chúng sanh mau được giải thoát, cũng không có pháp nào hơn môn Niệm Phật.”

3. Thế nên nếu thuyết pháp không hợp cơ, tất chúng sanh bị chìm trong biển khổ. (Thuyết pháp bất đậu cơ, chúng sanh một khổ hải).

Kinh khuyên các bậc đồng nhơn, tuy tu môn khác, cũng nên lấy Tịnh Độ làm chỗ chỉ quy. Còn như nếu thấy mai trắng chẳng kém cúc vàng, bút giả cũng xin hết lòng tùy hỷ!

Mục B. Môn Tịnh Độ Với Vấn Đề Sanh Tử

Tiết 4: Niệm Phật Thế Nào Mới Hợp Với Bản Ý Của Phật?

Như trên đã nói, ở các xứ thuộc Bắc Phương Phật Giáo, người niệm danh hiệu Phật A Di Đà chiếm phần tối đa. Riêng tại Việt Nam, trong hàng tăng, tín chẳng những có nhiều người tu theo pháp môn Niệm

Phật, mà một vài giáo phái tuy không phải đạo Phật, nhưng họ cũng niệm hồng danh đức giáo chủ ở Tây Phương. Song xét ra, số người niệm Phật tuy nhiều mà kẻ không rõ mục đích của sự trì niệm cũng chẳng ít.

1. Vì vậy sự niệm Phật của họ không hợp với bản ý của đức Thế Tôn.

Thử kiểm điểm lại, ta sẽ thấy:

1. Có những vị đi chùa thấy người niệm Phật cũng bắt chước niệm theo, hoàn toàn không chủ định.

Hành động này tuy cũng gieo căn lành phước đức về sau, nhưng không hợp với bản ý của Phật.

2. Có những vị niệm Phật nguyên cho tiêu tai khỏi nạn, cầu gia đình khỏe mạnh bình yên, việc sinh hoạt càng ngày thêm thanh vượng.

Nguyện cầu như thế cũng tốt, nhưng không hợp với bản ý của Phật.

3. Có những vị đời sống gặp nhiều cảnh không vừa ý, sanh nổi u buồn phần chí, niệm Phật cầu cho mình hiện tại và kiếp sau không

còn gặp cảnh ấy nữa, sẽ được xinh đẹp vinh hoa, mọi việc đều thuận lợi như ý.

Cầu như thế cố nhiên vẫn tốt, nhưng không hợp với bản ý của Phật.

4. *Có những vị cảm thấy cuộc sống trần gian không điều chi hứng thú, dù cho sang giàu quyền thế cũng còn nhiều lo lắng khổ tâm. Họ hy vọng dùng công đức niệm Phật để kiếp sau được sanh lên cõi trời, sống lâu nhàn vui tự tại.*

Cầu như thế cũng là điều tốt, nhưng không hợp với bản ý của Phật.

5. *Lại có những vị, nghĩ mình tội chướng đã nhiều, trong một kiếp này dễ gì giải thoát, nên niệm Phật cầu cho kiếp sau chuyển nữ thành nam, xuất gia tu hành, làm bậc cao tăng ngộ đạo.*

Cầu như thế có thể gọi là xuất cách, nhưng còn thiếu trí huệ và đức tin, cũng không hợp với bản ý của Phật.

2. Niệm Phật thế nào mới hợp với bản ý của Phật?

▪ Đức Thế Tôn thấy rõ pháp hữu vi đều vô thường, tất cả chúng sanh vẫn sẵn đủ đức tướng trí huệ của Như Lai, nhưng do bởi mê bản tâm nên tạo ra nghiệp hoặc, mãi chịu sống chết luân hồi. Dù cho được sanh lên cõi trời, khi hưởng hết phước rồi, cũng bị sa đọa.

Vì thế, bản ý của đức Thế Tôn muốn cho chúng sanh do nơi pháp môn Niệm Phật, sớm thoát khỏi khổ sanh tử luân hồi.

▪ Chư Phật trong nhiều a tăng kỳ kiếp đã từng huân tu phước huệ, nếu kẻ nào xưng niệm hồng danh của Như Lai, sẽ được vô lượng vô biên công đức. Lại, đức A Di Đà Thế Tôn đã lập thệ: Nếu chúng sanh nào niệm danh hiệu của Ngài cầu về Cực Lạc, kẻ ấy khi mạng chung sẽ được tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, chứng lên ngôi bất thối chuyển.

▪ Vậy nếu đem công đức vô lượng của sự niệm Phật, mong cầu những phước lợi nhỏ nhen ở cõi người, cõi trời mà không cầu vãng sanh giải thoát có khác chi trẻ thơ đem hạt châu ma ni vô giá

đôi lấy viên kẹo để ăn? Như thế thật là phí uổng không xứng đáng chút nào!

▪ Lại nguyện lực của Phật rất lớn, người nào nghiệp chướng dù nặng mà chí tâm niệm Phật ngay một đời này cũng được tiếp dẫn vãng sanh. Cầu đời sau làm cao tăng ngộ đạo, là thiếu trí huệ và đức tin, làm sao bảo đảm bằng hiện đời sanh về Tây Phương, thành bậc Bồ Tát ở ngôi bất thối chuyển?

Cho nên bản ý của đức Thế Tôn là muốn cho chúng sanh niệm Phật để thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, và sự giải thoát ấy lại có thể thật hiện ngay trong một kiếp.

3. Tại sao chúng ta cần phải thoát vòng sống chết luân hồi?

Đó là vì ở trong nẻo luân hồi chúng ta xác thật đã chịu nhiều nỗi thống khổ lớn lao. Nếu người học Phật mà không để tâm như thật quán sát nỗi thống khổ ấy, thì dù học Phật cũng không được kết quả tốt, bởi không có tâm lo sợ cầu thoát ly.

Kinh nói: *“Nếu tâm lo sợ khó sanh, tất lòng thành khó phát”*. Đức Thế Tôn khi xưa thuyết pháp Tứ

Diệu Đế cho năm người nhóm ông Kiều Trần Như, trước tiên đã nói về Khổ Đế, vẫn không ngoài ý này.

Vậy chúng ta thử y theo thuyết Khổ Đế của đức Phật đã chỉ dạy, mà quán sát nỗi thống khổ của kiếp người. Như thế ta sẽ có được một quan niệm rõ hơn: “Tai sao mình lại cần phải mau thoát vòng luân hồi sanh tử?”

Tiết 5: Tám Mối Khổ Lớn

Trong Khổ Đế của đức Thế Tôn thuyết minh, có tám điều. Nỗi khổ của kiếp người vẫn vô cùng, mà tám điều này giữ phần cương lĩnh.

1- Điều thứ nhất là Sanh Khổ:

Tức chỉ cho nỗi khổ trong cái sanh. Loài người khi ở trong thai đã có tình thức. Do có tình thức nên có sự cử động cảm xúc. Khi mẹ ăn thức lạnh vào, cảm thấy như ở trong giá băng; lúc ăn thức nóng vào, cảm thấy như bị nung đốt. Thai nhi sống trong chỗ chật hẹp tối tăm nhor nhóp, vừa lọt lòng đã kêu khóc oa oa. Rồi từ đó khi lạnh, nóng, đói, khát, muỗi kiến cắn đốt, chỉ biết kêu khóc mà

thôi. Huệ nhãn của Phật thấy rõ những chi tiết ấy, nên Ngài xác nhận là khổ. Nếu như Sanh không khổ thì khi lọt lòng trẻ đã chẳng kêu khóc oa oa. Vì thế, cổ đức đã than:

*Vừa khỏi bào thai lại nhập thai.
Thánh nhơn trông thấy động bi ai!
Huyền thân xét rõ toàn nhơ nhớp.
Thoát phá mau về tánh bản lai.*

2- Điều thứ hai là Lão Khổ:

Tức sự khổ trong lúc tuổi già. Con người khi già rồi, các căn đều suy yếu, mắt mờ, tai lảng, lưng mỏi, chân run, ăn thấy kém ngon, ngủ không thẳng giấc, trí nhớ chẳng còn minh mẫn, làn da khô nhăn, răng lòn lòn đau nhức chuyển rưng. Dù cho bậc thanh niên tuấn nhã, hay trang thiếu nữ tiên dung, khi đến tuổi này âu cũng:

*Bao vẻ hào hoa đâu thấy nữa.
Một thân khô kiệt nghĩ buồn tênh!*

Lắm kẻ tuổi già lờ lẩn, khi ăn mặc, lúc đại tiểu đều nhớp nhơ, con cháu dù thân, cũng sanh nhàm chán. Kiếp người dường như kiếp hoa, luật vô thường chuyển biến khi đã đem đến cho hương sắc, nó cũng

đem đến cho vẻ phai tàn. Xét ra cái già thật không chi vui, thân người thật không chi đáng luyến! Vì thế đức Phật mới bảo: già là khổ!

3- Điều thứ ba là Bệnh Khổ:

Tức sự khổ trong cơn đau yếu. Có thân là có bệnh, từ những thứ bệnh nhẹ thuộc ngoại cảm, đến các chứng bệnh nặng của nội thương. Có người vướng phải những bệnh nan y như: lao, cùi, ung thư, bại xuội. Trong cảnh ấy, tự thân đã đau đớn, lại tốn kém hoặc không có tiền thuốc thang, chính mình bị khổ lụy, lại gây thêm khổ lụy cho người quyến thuộc. Đó là trên khổ mà gia thêm khổ! Nỗi khổ về bệnh là sự hiển nhiên, chúng ta rất dễ nhận thức.

4- Điều thứ tư là Tử Khổ:

Tức sự khổ trong lúc chết. Mọi người đều muốn sanh thuận, tử an, nhưng việc ấy rất khó được, mà khi chết phần nhiều sắc thân lại bị bệnh khổ hành hạ đau đớn.

Thân đã như thế, tâm thì hãi hùng lo sợ, tham tiếc ruộng vườn của cải, buồn rầu phải lìa bỏ thân nhơn, muôn mối dập dồn, quả thật là khổ. Đề cập đến chữ Chết mấy ai đã muốn nghe, nói chi là ưa thích.

5- Điều thứ năm là Ái Biệt Ly Khổ:

Tức sự khổ khi xa lìa người thân yêu. Điều này trong hoàn cảnh chiến tranh, ta càng thấy rõ. Biết bao gia đình chịu cảnh kẻ Bắc, người Nam. Biết bao thanh niên phải dấn thân nơi trận mạc, người ở nhớ thương, kẻ đi sầu thảm. Đó chỉ là cái khổ sanh ly. Lại biết bao kẻ tuổi hầy còn xuân, tử thân cướp đi người yêu quý, phải chịu cảnh góa bụa bơ vơ. Rồi lại những kẻ cha mẹ, anh em, con cái bị đạn bom tử nạn. Còn biết bao trẻ em quyền thuộc đều chết, thiếu tình thân mật, sống vất vưởng nơi làng cô nhi! đây là nỗi khổ về tử biệt. Cho nên trong thời buổi này, biển nhớ sông thương đã sâu dài, mà núi hận trời sầu cũng cao rộng! Cảnh sanh ly tử biệt với người thân yêu, quả thật là khổ!

6- Điều thứ sáu là Oán Tắng Hội Khổ:

Tức sự khổ về oan gia hội ngộ. Bị những kẻ đối nghịch thù oán ở gần bên gièm pha nói xấu, phá phách mưu hại, làm cho ta phải bức tức khó nhẫn, lo sợ không yên, là một điều khổ. Lại còn nhiều gia đình, cha mẹ anh em hoặc vợ chồng không đồng ý kiến, thường có sự tranh cãi giận ghét buồn phiền lẫn nhau.

Đó khác nào sự gặp gỡ trong oan gia, đâu có chi là hạnh phúc!

7- Điều thứ bảy là Cầu Bất Đắc Khổ:

Tức sự khổ về mong cầu không toại ý. Trong đời sống, con người có rất nhiều ước vọng mong cầu. Đại khái như nghèo muốn cho giàu, xấu muốn cho đẹp, không con muốn cho có con, có con muốn cho nó nên người thông minh hiếu thuận. Ngàn muôn ước vọng như thế, cầu mong mà không toại ý, đó là nỗi khổ.

8- Điều thứ tám là Ngũ Ấm Thạnh Khổ:

Tức sự khổ về năm ấm hừng thạnh. Năm ấm là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc ấm thuộc về thân, bốn ấm kia thuộc về tâm. Nói một cách đơn giản: Đây tức là sự khổ về thân, tâm. Điều thứ tám này bao quát bảy món khổ trước: thân thì sanh, già, bệnh, chết, đói, khát, nóng, lạnh, vất vả nhọc nhằn; tâm thì buồn, giận, lo, thương, trăm điều phiền lụy.

Khi xưa thái tử Sĩ Đạt Ta dạo chơi bốn cửa thành thấy cảnh già bệnh chết, Ngài là bậc trí lự sâu xa, cảm thương đến nỗi khổ của kiếp người, nên bỏ hoàng cung tìm phương giải thoát. Trái lại, những kẻ trí tánh

dung thường, xét nghĩ cạn cợt, không biết suy tư về cái khổ, nên hằng lấy khổ làm vui.

Có kẻ bảo:

Nếu nói **Sanh** là khổ, họ bảo: “*Khi sanh ra tôi không biết chi, nên chẳng thấy khổ*”;

Nếu nói **Già** là khổ, họ bảo: “*Hiện tại tôi chưa già*”;

Nếu nói **Bịnh** là khổ, họ bảo: “*Từ trước tới giờ tôi thường khoẻ mạnh, rất ít đau yếu, nếu có bịnh cũng chỉ xoàng thôi, không thấy chi là khổ*”;

Nếu nói **Chết** là khổ, họ bảo: “*Cái chết chưa đến, biết đâu đó như là một giấc ngủ yên*”;

Nếu nói **Thương chia lìa** là khổ, họ bảo: “*Gia quyến tôi vẫn đoàn tụ vui vẻ, không có sự biệt ly*”;

Nếu nói **Oán gặp gỡ** là khổ, họ bảo: “*Tôi đâu có làm gì để ai oán ghét mưu hại*”

Nếu nói **Cầu không được** là khổ, họ bảo: “*Cuộc sống của tôi đầy đủ như ý, không còn mong cầu chi khác*”.

Thế thì kẻ ấy không có khổ ư?

Họ có khổ, tức là là sự khổ về năm ấm, hay thân tâm đều sung thịnh. Thân tâm cường kiện sung thịnh sao lại khổ? Chúng ta thử xem trên xã hội này, những án như: bắn giết, cướp bóc, hiếp dâm, đánh chém nhau. Các án tích ấy, một phần do hạng người nhàn rỗi, thân tâm quá sung mãn đầy đủ, họ bị những kích thích về tâm lý, sinh lý, ngồi đứng không yên, vô sự sanh sự, gây nên những việc hung tàn.

Như hiện nay từ Âu Mỹ đến Việt Nam, rất nhiều kẻ sống theo trào lưu cuồng loạn, say đắm theo rượu mạnh, nhảy nhót, hút cần sa hoặc chích ma túy, dâm dật, buôn lậu, ưa vũ thoát y hoặc nhạc kích động, ăn chơi đủ cách, cho đến thích nguy hiểm, bạo hành. Thân và Tâm của họ không yên, như ngọn lửa bùng cháy gây nên nhiều lỗi lầm tội ác, để rồi phải chịu khổ. Đó chính là cái khổ **“Năm ấm hưng thịnh”**

Tám điều trên đây gọi là Bát khổ. Tám món khổ này chỉ là đại cương, nội dung của nó còn bao gồm nhiều mối khổ khác. Chúng ta thử quán sát mình và người, phải chăng đã chịu ít nhiều trong Bát khổ? Người học Phật nếu biết suy tư đến tám mối khổ lớn của nhơn sanh, có thể gọi là đã đến gần với đạo vậy.

Mục C. Biết Khổ Phải Ý Thức Đến Sự Giải Thoát

Tiết 6: Quán Về Sự Khổ Luân Hồi

* Chúng sanh hết kiếp này sang kiếp khác sống chết luân hồi, xuống lên trong sáu cõi. Đó là: cõi trời, cõi người, cõi A Tu La, cõi bàng sanh, cõi ngạ quỷ, và cõi địa ngục. Bát khổ tuy các loài khác cũng có ít nhiều, nhưng nó là trọng tâm của nỗi khổ ở cõi người.

- Cõi trời tuy vui vẻ hơn nhơn gian, nhưng cũng còn tướng ngũ suy và những điều bất như ý.
- Cõi A Tu La bị sự khổ về gây gỗ tranh đua.
- Cõi bàng sanh như loài trâu, bò, lừa, ngựa bị sự khổ chở kéo nặng nề. Loài dê, lợn, vịt, gà, thì bị sự khổ về banh da xẻ thịt. Các loài khác chịu sự khổ về ngu tối; nhơ nhớp ăn nuốt lẫn nhau.
- Cõi ngạ quỷ chúng sanh thân thể hôi hám xấu xa, bụng lớn như cái trống, cuống họng nhỏ như cây kim, miệng phục ra lửa chịu đói khát trong ngàn muôn kiếp.

- Còn cõi địa ngục thì vạc dầu, cột lửa, hầm băng giá, non gươm đao, sự thống khổ không thể tả xiết.

Bốn cõi rốt sau này, trong kinh gọi là Tứ Ác Thú. Từ cõi A Tu La, theo chiều xuống, nỗi khổ ở mỗi cõi cứ tuần tự gấp bội hơn lên.

Trong sáu cõi, chúng sanh sống chết xoay vần hết nơi này đến nơi kia, như bánh xe chuyển lăn không đầu mối. Đại khái sanh lên cõi trời cõi người thì khó và ít, đọa xuống Tứ Ác Thú rất dễ và nhiều. Người xưa đã than:

Lục đạo xoay vần không mối hở.

Vô thường xô đến vạn duyên buông!

Khi còn tại thế, một hôm đức Phật dùng móng tay vít lên chút đất, rồi hỏi A Nan:

- Đất ở móng tay ta sánh với đất ở miền đại địa, cái nào nhiều hơn?".

Ngài A Nan đáp:

- Bạch Thế Tôn! Đất của miền đại địa nhiều hơn đất của móng tay vô lượng phần không thể thí dụ!

Phật bảo:

- Cũng thế, A Nan! Chúng sanh sanh lên cõi trời người, như đất ở móng tay, đọa xuống ác thú, như đất của miền đại địa!

Thí dụ trên là những tiếng chuông mai để cho người tu xét suy tỉnh ngộ. Nhiều kẻ không tin thiên đường địa ngục, nhưng các cõi ấy xác thật là có, trong kinh đức Phật đã chỉ bày rành rẽ, chỉ vì mắt phàm không thấy biết mà thôi.

Gần đây nhật báo có đăng nhiều chuyện thuộc phần siêu linh, chẳng hạn như việc ông hai Huệ bị bắt xuống âm ty. Lại cô ba Cháo Gà ở chợ Vòng Nhỏ tại Định Tường cũng tường trình việc hình phạt ở âm phủ trong quyển Địa Ngục Ký. Đây có lẽ là chư Thiện Thần vì thấy người trần thế chìm trong biển tham sân si, nên dùng quyền cơ đưa người xuống địa ngục, để khi trở về Nhơn gian thuật lại cho quần chúng biết đường tội phước, mà dứt dứt làm lành.

* Tóm lại, ba cõi đều vô thường, các pháp hữu vi không có chi là vui. *(Tam giới giai vô thường. Chư hữu vô hữu lạc - Kinh Pháp Hoa).*

Người niệm Phật phải cầu sanh về Tây Phương để thoát vòng sống chết luân hồi; lần lần tu chứng đến cảnh thường, lạc, ngã, tịnh của Niết Bàn, chớ không nên cầu sự phước lạc hư giả ở thế gian. Niệm Phật như thế mới hợp với mục đích giải thoát, với tâm từ bi cứu khổ ban vui của đức Thế Tôn.

Và muốn được như vậy hành giả phải thường quán sát suy tư về Bát khổ của kiếp người cho đến nỗi khổ vô tận vô biên trong sáu cõi. Nếu chẳng quán như thế, thì tâm cầu giải thoát khó sanh, ý nguyện về Tây Phương không thiết, làm sao ngày kia bước lên bờ giác, dùng con thuyền bát nhã độ khắp bến mê? Khi xưa đức Phật đã than:

- Trong đời mạt pháp, các đệ tử ta chỉ đeo đuổi theo bên ngoài, ít ai quan niệm đến vấn đề sanh tử!

Không tha thiết đến sự liễu thoát sanh tử là vì thiếu tri giác, do bởi không thiết thật quán xét nỗi khổ trong kiếp luân hồi. Những người này chẳng những phụ ơn Phật, mà cũng phụ cả chính mình, thật đáng tiếc thương đau xót!

Tiết 7: Muốn Sớm Thoát Khổ, Nên Tu Tịnh Độ

Nhiều vị học Phật, vì ưa chuộng huyền lý cao siêu, cho môn Niệm Phật là của ông già bà cả, hạng căn cơ thấp kém. Nhưng họ đâu biết Tịnh Độ là cửa mầu thâm diệu đi sâu vào Phật tánh, là con thuyền chỉ bảo để mau thoát khỏi luân hồi. Cho nên có những bậc thượng căn vì chưa nhận thức Tịnh Độ, mà mãi bị trầm trệ trong nẻo mê tân. Và có kẻ căn tánh chỉ tầm thường, nhưng do tu Tịnh Độ mà sớm bước lên đường giải thoát.

Xin thuật ra đây đôi chuyện để chư học giả so sánh:

Chuyện thứ nhất:

Đời Đường bên Trung Hoa, nơi chùa Hương Sơn đất Lạc Dương có sư Thích Giám Không. Sư nguyên tục tánh thọ Tề, người ở Ngô Quận. Thuở còn nhỏ ông nghèo khổ, tuy học hành siêng năng nhưng ít ghi nhớ. Lớn lên, ưa làm thi văn song chỉ tầm thường. Ông hay đi lại vùng Ngô, Sở yết kiến hàng hầu bá, nhưng không được sự giúp đỡ bao nhiêu. Khi có tiền đầy xâu thì sanh đau yếu, tiền hết bệnh mới lành.

Đầu niên hiệu Nguyên Hòa, ông dạo chơi xứ Tiên Đường, gặp năm mất mùa, nghĩ đến chùa Thiên Trúc để cầu thực. Nhưng vừa đi tới phía tây Cô Sơn Tự, ông đói quá không thể tiến bước nổi, liền lại ngồi bên bờ suối tuyết, rơi lệ ngâm vài câu bi phần. Thoạt có vị Phạn tăng theo dòng suối đến ngồi nhìn ông mỉm cười hỏi:

- Pháp sư đã nếm đủ hương vị lẽ du chưa?

Ông đáp:

- Hương vị lẽ du có thể gọi đã nếm đủ, nhưng bị nhơn tục danh là Quân Phòng, đã từng làm pháp sư đâu?

Phạn tăng nói:

- Ông không nhớ lúc giảng kinh Pháp Hoa ở chùa Đông Đức hay sao?

Đáp:

- Tôi từ khi sanh thân đến nay đã bốn mươi lăm tuổi, hằng bâng hoàng nơi vùng Ngô, Sở, chưa từng để bước đến kinh đô, đâu lại có chuyện giảng kinh ở miền Lạc Trung như thế?"

Phạn tăng bảo:

- Chắc ông bị lửa đó i thiêu đốt, nên quên cả việc xưa rồi

Nói xong, liền lần trong đ ầy lấy ra một quả táo lớn ướt bằng nắm tay, trao cho và bảo:

- Quả táo này sản xuất ở nước của ta, bậc thượng trí ăn vào biết rõ việc quá khứ vị lai; người hạ căn cũng có thể nhớ được chuyện kiếp trước.

Ông tiếp lấy quả táo ăn xong, vốc nước suối uống, thoát mờ mệt muốn ngủ, liền tựa đầu, gối vào đá mà nằm. Giây phút tỉnh dậy, nhớ tiền thân làm pháp sư giảng kinh, cùng những bạn đồng tu, rõ rệt như việc ngày hôm qua, nhân rơi lệ hỏi rằng:

- Chấn Hòa Thượng bây giờ ở đâu?

Phạn tăng đáp:

- Công chuyên tinh chưa tới mức, nên chuyển sanh làm vị tăng ở đất Tây Thục, nay cũng đã dứt được vọng duyên.

Lại hỏi:

- Thần thượng nhơn và Ngộ pháp sư hiện thời ra sao?"

Đáp:

- Thần thượng nhơn tức duyên trả chưa xong. Còn Ngô pháp sư bởi đứng trước tượng đá chùa Hương Sơn phát nguyện giỡn: *'Nếu kiếp này tu không chứng đạo, thân sau nguyện là bậc quý thần,'* nên hiện đã sanh làm đại tướng. Trong năm người bạn vân thủy khi xưa, duy ta được giải thoát, ba vị kia thì như thế, riêng người còn đói khổ nơi đây!"

Ông thương khóc nói:

- Tôi kiếp trước hơn bốn mươi năm, ngày chỉ ăn một bữa, thân duy đắp một y, việc phù tục quyết dứt căn nguyên, cứ sao còn kém phước để đến nỗi hôm nay phải ra người đói khổ?"

Phạn tăng đáp:

- **Khi xưa ông ngồi trên pháp tòa hay nói nhiều việc dị đoan**, khiến cho thánh chúng sanh lòng nghi hoặc, lại giới hạnh còn có chỗ kém khuyết, nên phải bị báo ứng như hôm nay.

Nói đoạn, lấy trong bát ra một chiếc gương hai bề đều trong suốt, bảo rằng:

- Việc đã qua ta không làm sao hơn được, nhưng ông muốn biết số phận sang hèn thọ yếu về tương lai, cho đến việc đạo pháp hưng suy, nên nhìn vào sẽ rõ."

Ông tiếp lấy gương xem hồi lâu rồi giao lại tạ rằng:

- Sự báo ứng, lẽ vinh khỗ, nhờ ơn đức của Ngài, nay đã biết được."

Phạn tăng cầm gương cất vào bát, nắm tay ông cùng đi, độ mười bước liền biến mất.

Đêm ấy ông vào chùa Linh Ẩn xin xuất gia, hiệu là Giám Không, sau khi thọ giới Cụ Túc liền đi du phương tu hành, sự khỗ tiết, cao hạnh ai cũng khen ngợi. Về sau Giám Không thiền sư gặp ông Liễu Sính ở chùa Thiên Trúc, tự trần thuật tiền nhân và bảo:

- Tôi sống được bảy mươi bảy, tăng lập ba mươi hai, nay chỉ còn chín năm nữa là thọ số mãn. Sau khi tôi tịch, Phật pháp còn được như ngày hôm nay chăng?

Sính nghe nói lạ, gạn hỏi. Sư không đáp, chỉ đòi bút viết mấy hàng nơi vách bắc lầu Tàng Kinh như sau:

"Hưng hạt cát, suy cát sông Hằng.

Thỏ đã bị lưới, chó vô sấn.

Trâu cạp giao tranh sừng với răng.

Ánh hoa đèn vẫn sáng nghìn năm."

Đây là lời tiên tri của sư. Câu trước nói về đạo pháp sẽ suy. Câu thứ hai chỉ cho sự phá đạo rất tàn khốc. Câu thứ ba ghi rõ thời gian hủy pháp ở vào năm Ất Sửu tiếp qua Bính Dần. Câu sau cùng nói: Tuy nhiên Phật pháp vẫn còn, ánh đạo không bị hủy diệt. Lời sấm trên ứng vào việc phá Phật pháp của Đường Võ Tôn. Ông vua này đã ra lệnh hủy hoại bốn mươi bảy ngàn ngôi chùa, ép buộc hơn hai mươi vạn bảy ngàn tăng ni hoàn tục. (Trích Cao Tăng truyện, thiên Cấm Thông, tập 3).

Chuyện thứ hai:

Đời Nguyên bên Trung Hoa, vào năm Canh Ngọ niên hiệu Chí Thuận ở vùng Triết Tây bị thất mùa liên tiếp. Trong thành Hàng Châu, dân chúng đói chết năm

ngón ngang đầy đường. Mỗi buổi sáng, quan phòng chánh mướn người khiên tử thi chở đem bỏ xuống hang núi, sau tháp Thái Hòa. Trong số tử thi có thấy một bà lão hơn mười hôm không hôi thúi, ngày nào cũng tự trôi lên nằm trên các cây chết khác. Chúng lấy làm lạ, vòng giây kéo đem lên, soát trong người thấy có túi vải đựng ba bức đồ niệm công cứ A Di Đà Phật. Việc này truyền đến quan Hữu Tư, Ngài cho mua quan quách tần liệm và đem ra thiêu hóa. Khi củi đốt lên, trong khói lửa hiện ra tượng Phật, Bồ Tát, ánh sáng rực rỡ. Do nhân duyên đó, rất nhiều người phát tâm niệm Phật. (Trích Sơn Am Tập Lục).

Xem sự tích trên, ta thấy như ngài Giám Không kiếp trước từng làm giảng chủ, phù tục đã dứt căn nguyên, tu trì cũng nhiều tinh khổ, nhưng vì chưa chứng quả lại còn chút tì vết, nên phải chuyển thân làm kẻ sĩ đói khát khôn cùng. Kiếp xưa năm bạn đồng tu, chỉ một mình Phạn tăng được giải thoát.

Ngoài ngài Giám Không lại còn sự tích cao tăng Viên Quán, do chưa sạch nghiệp, nên không thoát khỏi bào thai của nàng Vương Thị.

Truyện Tỳ Khuru Pháp Vân từng làm đại pháp sư, nhân vì tham lợi dưỡng, sên Phật pháp, nên bị đọa làm thân trâu.

Truyện ngài Hải Ấn cũng thuộc hàng danh tăng, vì thọ người cúng dường, phải chuyển sanh làm con gái cho nhà thí chủ.

Truyện ngài Mạt Sơn lai lịch phi phạm, nhưng bởi tức nghiệp từ vô lượng kiếp phát hiện, nên luân hồi làm kẻ ngu khờ, ghét người tu niệm.

Truyện ngài Đoạn Nghĩa Nhai tham thiền đã được khai ngộ, kiếp sau chuyển sanh làm tăng, được người lễ bái cúng dường, tham hưởng phước mà quên đường giải thoát.

Truyện đệ tử của ngài Tuyết Học Thành Công, thiền định đã tỏ suốt nguồn tâm, bởi chưa đắc đạo nên thân sau làm ông sư thông minh, động tâm xa hoa kiêu mạn, rồi từ đó không nghiệp ác gì chẳng làm.

Truyện một ni cô tụng kinh Pháp Hoa ba mươi năm, vì tâm còn chưa dứt niệm sắc thính, nên kiếp sau đọa làm thân ca kỹ, tiếng thanh sắc đẹp nơi miệng thường bay ra mùi thơm hoa sen.

Truyện vị cao tăng non Nhạn Đăng, bởi chưa chứng đạo, kiếp sau là Tần Cối, do tiền căn đã có công tu niệm nên thông minh đồ cao làm quan đến ngôi cực phẩm, song vì mê quyền quý, tạo điều gian ác để nhiều kiếp đọa tam đồ.

Xem truyện tích xưa, còn biết bao trường hợp như thế nữa! Qua các gương trên, ta thấy nếu tự lực tu hành, khi chưa được nghiệp sạch tình không, lúc tái sanh tất phải mê muội, mười người đã rớt hết tám chín.

Còn như bà lão niệm Phật, tuy dốt đạo lý, chẳng hiểu chút chi về tông về giáo, nhưng nhờ thành tâm niệm Di Đà mà sau khi chết diễn ra nhiều điều kỳ lạ, đã chứng minh bà lão vãng sanh về Cực Lạc không còn nghi ngờ.

Cho nên tham thiền, tụng kinh cùng tu các môn khác là những điều quý báu nên làm, và đáng khuyến khích. Nhưng giữa thời mạt pháp này, cần phải tu thêm môn Niệm Phật, rồi đem tất cả công đức ấy hồi hướng về Tây Phương, mới bảo đảm khỏi luân hồi mê đọa.

Nếu không lấy Tịnh Độ làm nơi quy hướng, thì công đức tu các môn khác chỉ gây căn lành phước báo, và nhân duyên đắc độ về sau mà thôi. Như thế, e cho khi chuyển sanh hôn mê tạo nghiệp phải bị trầm trệ lâu trong cảnh khổ luân hồi.

Mấy ai thông minh như Ngô Đạt quốc sư, mười kiếp làm cao tăng tu thiên định, kiếp sau rốt mới mười bốn tuổi đã giảng suốt Kinh Niết Bàn. Nhưng vì một niệm đam mê trước tòa trầm hương nên bị tức bực ghê mặt người, sau trở lại niệm Phật mới được vãng sanh giải thoát. Những vị ỷ mình cao minh, ngoài miệng nói suốt lý huyền, chỉ trọng tự lực khinh thường niệm Phật, cũng nên xem gương trên mà đề tâm suy nghĩ.

Mục D¹: Đường sanh tử nhiều nguy hiểm

Đường vào vườn giác ngộ có nhiều cửa, hành giả trước tiên phải lấy tâm đại Bồ Đề làm khởi điểm chánh chân, rồi tùy căn cơ sở thích, muốn tu theo pháp môn nào cũng tốt. Trên đường tu:

¹ Trích “Chương II: Đề nghị yếu - Niệm Phật phải phát lòng bồ đề” – Mục C. Ba sự kiện thiết yếu đối với Bồ Đề tâm- Tiết 12: Đường sanh tử nhiều nguy hiểm

Nếu luận về "căn cơ" thì môn Tịnh Độ bao gồm cả ba căn thượng, trung, hạ; chẳng những hạng phàm thường, mà các bậc Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đều nguyện vãng sanh.

Nếu luận về "thời tiết" thì thời mạt pháp này chúng sanh phần nhiều tâm tạp chướng nặng, môn Tịnh Độ dễ thật hành, lại có thể trong một đời được vãng sanh giải thoát. Nhưng,

Nếu luận về “sở thích”, thì riêng môn Tịnh Độ không thể thỏa mãn được hết mọi người, vì thế đức Như Lai mới nói nhiều pháp môn. Đại khái như những vị có tâm hùng tráng, ưa sự giản dị trực thiệp trong sáng, thì thích về Thiền Tông. Những vị ưa sự thần thông linh ứng kỳ bí, thích tu về Mật Tông. Những vị ưa lý luận, cần phân tích cho xác thật rành rẽ mới chịu tin tưởng làm theo, thích tu về Duy Thức Tông... Trong mỗi tông lại có nhiều chi tiết khác biệt, mà mỗi người hành trì không giống nhau.

Tuy nhiên, trong đời mạt pháp, hành giả đã phát đại Bồ Đề tâm thề độ mình độ sanh, mà muốn bảo đảm cho tâm ấy thành tựu không bị thối thất thì dù tu các môn khác, cũng nên kiêm hành Tịnh Độ để cầu

vãng sanh. Tại sao thế? Trong đây có ba sự kiện thiết yếu, xin tuân tự kể phần đại lược:

1. Sự kiện thứ nhất:

Trong nẻo sống chết luân hồi, có nhiều hiểm nguy chướng nạn cho đường tu. Muốn thoát cảnh hiểm luân hồi để bảo đảm tâm Bồ Đề không thoái thất, phải cầu sanh Tịnh Độ. Đây là sự kiện thiết yếu trước tiên, mà hành giả cần lưu ý.

Tiên đức hằng răn nhắc: *"Nếu tu mà không chuyên cầu giải thoát, thì sự tu nơi kiếp này là mối thù trong kiếp thứ ba."*

Sở dĩ có việc ấy, bởi kiếp thứ nhứt lo kham khổ tu hành, nên chuyển sanh qua kiếp thứ nhì được hưởng quả báo thông minh giàu sang quyền thế. Trong kiếp thứ hai này, do giàu sang nên dễ mê theo cảnh quyền quý, vợ đẹp con xinh, cùng các thú vui vật chất nơi cõi trần. Đã nếm mùi dục lạc tất dễ sanh đắm nhiễm, càng đắm nhiễm càng đi đến chỗ sa đọa tối tăm, dám làm nhiều điều ác để củng cố lợi quyền và thỏa lòng tham vọng. Kiếp thứ nhì đã gieo nhân như thế, kiếp thứ ba làm sao khỏi bị đọa lạc tam đồ?

Có kẻ gạn:

"Kiếp trước đã có công tu gieo nhân tốt, không lẽ sang kiếp thứ nhì trí huệ căn lành đều mất, để đến nỗi phải bị đọa hay sao?"

Xin đáp:

"Căn lành tuy có, nhưng nghiệp ác từ vô lượng kiếp chưa phải đã tiêu trừ. Mà trong cảnh trần, việc lành rất khó làm như leo lên cây cao, điều ác rất dễ phạm như tuột xuống dốc lở. Người xưa đã chẳng bảo: Trọn đời làm lành, lành còn chẳng đủ; một ngày làm ác, ác tự có dư đó ư?"

Như những người giàu sang quyền thế mà chúng ta hiện thấy, kiếp trước họ đều có ít nhiều công đức bố thí tu phước làm lành, nhưng kẻ hướng về nẻo thiện không bao nhiêu, người say đắm danh lợi vinh hoa lại chiếm phần đa số. Thử hỏi có mấy vị đồ cao quyền quý chịu xuất gia, sống một cuộc đời khắc khổ đạm bạc, hướng về mục đích giải thoát thanh cao? Ngay như người xuất gia, khi chưa có địa vị còn kham nhẫn tu hành, lúc đã được quyền danh, nhiều kẻ lễ bái tôn trọng cúng dường, lại dễ bị cảnh phù trần ràng buộc. Hiện tại ta thấy có biết bao hàng tăng ni thiện tín,

trước còn tinh tấn hành trì, sau lần lần biếng trễ bỏ tu hoặc hoàn tục thôi đạo, nói chi đến kiếp sau?"

Cõi người còn như thế, nếu sanh lên cõi trời cảnh vui ngũ dục quá nhiệm mầu, lại còn khó tu hơn nữa! Đó là nói những vị có phước;

Còn những người ít phước sống một cuộc đời nghèo khổ quá cũng khó tu.

Hoặc tuy vào hạng trung lưu, nhưng giữa đời này tà đạo đầy đầy; trong chánh pháp bậc thiện hữu tri thức khó gặp, nẻo đường giải thoát không phải dễ tìm!

Đến như chúng sanh trong ba ác đạo là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thì việc tu niệm thật là khó đến muôn phần, vì các loài ấy ngu tối, thân tâm hằng ở trong cảnh khổ.

Kiếp luân hồi có nhiều hiểm nạn như thế, nếu không cầu sanh Tịnh Độ để thoát ly, tất khó bảo đảm tâm Bồ Đề không bị thối thất.

2. Sự kiện thứ 2²: Cần giải thoát ngay trong hiện kiếp

² Trích “Chương II: Độ nhị yếu - Niệm Phật phải phát lòng bồ đề” –

Trong thời mạt pháp, nếu chỉ tu môn khác không kiêm cầu Tịnh Độ, tất khó giải thoát ngay trong một đời. Nếu đời này không được giải thoát bị mê trong nẻo luân hồi, thì tất cả tâm nguyện sẽ thành hư tưởng. Đây là sự kiện thiết yếu thứ hai, mà hành giả cần lưu ý.

Các hành giả tu theo những pháp môn khác, duy trọng về tự lực, lập tâm trường cửu, quan niệm mỗi đời cứ tiến tu, dù đời này không được giải thoát, trong những kiếp sau cũng sẽ thành đạo.

Nhưng có một điều cần đề ý là liệu đời sau sẽ được bảo đảm chắc chắn cho ta tiếp tục tu nữa chăng? Bởi khi chưa là bậc đắc đạo, lúc chuyển sanh tất phải hôn mê, dễ quên tâm nguyện tu hành kiếp trước. Nơi cảnh trần duyên tiến đạo thì ít, duyên thoái đạo lại nhiều. Biết bao vị xuất gia lúc chuyển sanh không thể tiến tu, như các sự tích đã lược trần trong chương thứ nhứt.

Kinh nói: “Bồ Tát còn mê khi cách ăm, Thanh Văn còn muội lúc ra thai.”

Mục C. Ba sự kiện thiết yếu đối với Bồ Đề tâm- Tiết 13: Cần giải thoát ngay trong hiện kiếp

"Cách ảm" là trải cách từ ảm thân này sang ảm thân khác. Như thân hiện tại là tiền ảm, chuyển sanh thân kiếp sau gọi là hậu ảm; trải qua sự xen cách từ thân trước đến thân sau như thế, bậc Bồ Tát chưa đắc đạo phải bị hôn mê.

Trong kinh, có nơi khác lại nói:

"Hạng phàm thường khi nhập thai, trụ thai và xuất thai đều hôn mê. Bậc Chuyển Luân Thánh Vương do phước báo, lúc nhập thai thì biết, khi trụ thai, xuất thai phải bị hôn mê. Hàng Thanh Văn lúc nhập thai, trụ thai đều có thể tỉnh biết, song khi xuất thai lại hôn mê. Duy có bậc Bồ Tát chứng Vô Sanh Nhẫn, lúc nhập thai, trụ thai và xuất thai đều tỉnh giác.

"Đôi khi hạng phàm phu do nghiệp duyên đặc biệt cũng nhớ được kiếp trước". Nhưng đây chỉ là trường hợp ít có trong muôn một. Hoặc đó là Bồ Tát thị hiện để cho chúng sanh biết có luân hồi, ngoài ra tất cả khi chuyển sanh đều bị mê muội. Khi đã hôn mê, thì bao nhiêu sự hiểu biết về đạo lý và những tâm nguyện nơi kiếp trước, đều vì vô minh che lấp khiến cho lãng quên.

Duyệt qua chỗ kiến văn, bút giả từng nghe có vị thuật lại, lúc trẻ tuổi mỗi khi nằm mơ thấy mình bay tự do cao vút đi khắp mọi nơi; tuổi càng lớn lại thấy bay thấp lần lần, sau không còn bay được nữa.

Trong quyển Phật Học Chỉ Nam, có kể chuyện ông Viên Thủ Đồng, người ở đất Trường Sơn bên Trung Hoa, lúc bốn năm tuổi, trong đêm tối thấy rõ rệt các vật như ban ngày. Mấy năm kế, sự thấy mờ giảm lần. Từ mười tuổi trở lên, ông không còn thấy nữa, chỉ đôi khi nửa đêm thức dậy ngẫu nhiên thấy rõ được trong giây lát. Khoảng mười bảy tuổi về sau, hai ba năm mới thấy một lần, nhưng chỉ lóe sáng lên rồi liền tắt mất. Những vị này kiếp trước đều có tu nhưng khi chuyển thế bị mê đi, kể đó trần nhiễm càng sâu, thần minh càng tiêu giảm.

Có những vị như vị Thiên Đại Hạng Tử ở Nhựt Bản, Ngụy Tịch Phủ ở Trung Hoa, ngồi một nơi thấy rõ những vật xung quanh cách xa đến mấy mươi dặm.

Có nhiều người thấy được vật dưới đất, sự việc cách tường vách, hoặc đồ để trong túi của quần chúng, mà thể gian gọi là thiên nhãn, nhưng họ không chịu tu.

Bởi thế lần lần sự thấy suy giảm, kết cuộc cũng như thường hơn.

Lại có những vị xem sách một lần rồi gấp lại đọc thuộc lòng không sai một chữ, hoặc văn tài mau lẹ xuống bút thành phú, mở miệng thành thi, nhưng không chịu tu hành, đôi khi trở lại bài bác đạo Phật.

Cổ đức bình luận những người sau này, kiếp trước tu Thiên định đến trình độ khá cao, đã có chỗ sở đắc. Nhưng bởi những vị hành trì theo tông môn chỉ nhận ngay tự tâm, phá trừ Phật kiến, Pháp kiến, nghĩa là để tâm trống không chẳng thấy có Phật và Pháp; nên khi chưa chứng đạo phải chuyển sanh trở lại, duy bằng cứ vào sự thông minh của mình, không ưa thích đạo Phật. Các bậc xưa còn như thế, người tu hiện tại sở đắc phỏng có là bao?

Như lời Phật huyền ký: ***"Đời mạt pháp người tu thì nhiều nhưng khó có ai đắc đạo."*** Mà khi chưa chứng đạo, nếu còn nghiệp lực nhỏ như sợi tơ cũng bị luân hồi. Dù có một vài vị ngộ đạo, nhưng ngộ chưa phải là chứng, chỉ do sức định chế phục nghiệp thức khiến cho lắng động lại, nên tạm được khai tâm, lúc chuyển sanh vẫn còn bị hôn mê không được tự tại.

Đến kiếp sau, duyên tiến đạo thì ít cảnh thoái đạo lại nhiều, nguyện giải thoát đã thấy khó bảo toàn chắc chắn. Về sự ngộ đạo còn bị thoái thất. Cổ đức đã có ba điều thí dụ:

Điều thứ nhất: Như dùng tảng đá đè lên cỏ dại, cỏ tuy không mọc được nhưng củ nó chưa hư thối, nếu gặp duyên khác tảng đá bị lật lên, cỏ vẫn mọc lại như cũ.

Điều thứ hai: Như lỏng nước trong chum, bùn tuy lắng xuống nằm yên tận đáy, nhưng khi chưa gạn lọc ra được, gặp duyên khuấy động, bùn lại nổi lên.

Điều thứ ba: Như đồ gốm tuy nắn thành hình, nhưng chưa trải qua một phen nung lại cho chắc, gặp mưa xuống tất phải bị tan rã. Trạng huống ngộ đạo khi chuyển sanh dễ bị thoái thất, cũng lại như thế.

Đời mật pháp, người tu có mấy ai ngộ đạo? Ngộ đạo không phải là dễ.

Như thuở xưa, Hương Lâm thiền sư dụng tử công phu trong bốn mươi năm mới dung luyện thành một khối.

Ngài Trường Khánh Nhân ngồi rách mười mấy chiếc bồ đoàn mới được thấy tánh bản lai.

Người đời nay, trừ một vài vị Thánh như ứng thân thị hiện để làm mô phạm cho quần chúng, ngoài ra các vị khác tu thiền, chỉ tạm được thân tâm an tĩnh hoặc thấy thiện cảnh giới là cùng!

Dù đã ngộ đạo, khi chuyển sanh vẫn còn có thể bị chướng nạn như những điều đã kể trên. Đường sanh tử có nhiều nguy hiểm đáng e ngại với kẻ chưa đắc đạo là thế. Cho nên nếu bảo không sợ sanh tử, đó là chỉ lối suy tư của người thiện cận mà thôi.

Hơn nữa, hiện tại chánh pháp đã lần lần ẩn diệt, trên thế giới, nơi nào ảnh hưởng duy vật tràn đến là đạo Phật không còn. Đã có nhiều nơi chùa chiền bị hủy phá, kinh sách bị thiêu đốt, tăng ni phải hoàn tục, hàng thiện tín không được tu. Dù cho ngày kia có được phục hồi, cũng phải bị biến thể và tiêu hao một phần lớn. Mong chuyển sanh để tiếp tục tu hành với một nền đạo suy tàn, thiếu bậc cao tăng dìu dắt, lấy đâu làm duyên tốt tiến đạo để giải thoát trong tương lai? Cho nên muốn bảo đảm tâm Bồ Đề không bị thoái

thất, phải tu Tịnh Độ. Dù tu các môn khác cũng nên kiêm niệm Phật phát nguyện vãng sanh về Cực Lạc.

Đây là lời khuyến tấn chung của các bậc tiên đức, như các ngài: Liên Trì, Ngẫu Ích, Kiên Mật, Ấn Quang.

PHÁP-YẾU-TU-HÀNH

(H.T Thích-Thiên-Tâm)

Yếu điểm của đường tu
Gồm hai phần Sự, Lý
Lý tu là sửa tâm
Cho hợp với chân lý
Sự tu chỉnh ba nghiệp
Giúp chúng cảnh chân như

Sửa tâm là dứt trừ
Nghiệp tham, ái, nóng, giận
Si mê cùng tật đố
Ngã mạn với kiêu căng

Chớ chạy theo hình thức
Say đắm nẻo lợi danh
Chuộng địa vị, quyền hành
Khoe thông minh, tài giỏi
Phải sanh lòng giác ngộ
Niệm thanh tịnh từ bi
Đồng tiền mà kiên trì
Sáng suốt mà khiêm hạ
Tự nghĩ mình xưa nay
Đã tạo nhiều tội chướng
Chịu nhẫn nhục, sám hối
Biết an phận, tùy duyên
Duyên tốt chẳng kiêu khoe
Duyên xấu không thôi nảo
Bình tĩnh mãi tiến tu
Như bơi thuyền ngược nước
Về biển Tát Bà Nhã
Đến Bảo Sở an vui
Đó là phần tu tâm
Hợp với lý giải thoát

Sự tu là thân nghiệp
Lễ kính Phật sám hối

Khẩu nghiệp trì chú kinh
Hoặc niệm Phật khen ngợi
Ý nghiệp giữ thanh tịnh
Mật tu môn Lục Niệm
Nguyện đền đáp bốn ân
Nguyện mình cùng chúng sanh
Sanh cõi vui thành Phật
Đời đời gặp chánh Pháp
Tu sáu độ muôn hạnh
Tâm Bồ Đề độ sanh
Trần kiếp không thôi chuyển

Tu Sự mà bỏ Lý
Làm sao mở chân tâm?
Tu Lý mà phế Sự
Cũng không thể thành Phật!
Tu Sự chẳng chấp TƯỞNG
Thì tức SẮC là KHÔNG
Tu Lý không bỏ Sự
Đó tức KHÔNG là SẮC

Lý chính thật Chân-Không
Sự là phần Diệu-Hữu

Chân-Không tức Diệu-Hữu
Diệu-Hữu tức Chân-Không

Nếu chưa đạt lẽ này
Thà tu hành chấp CỐ
Đừng cầu cao bác tướng
Mà lạc vào Ngoan-Không
Đây chính hầm khổ đọa
Kẻ thông minh đời nay
Đa số mắc lỗi này

Xưa có sư Tông-Thắng
Tài huệ biện cao siêu
Vì ý giỏi kiêu căng
Nên bị nhục chiết phục
Hỗ thẹn muốn tự tận
Thọ thân hiện thân khuyển
“Sư nay đã trăm tuổi

Tám mươi năm lầm lạc

May nhờ gặp Thánh nhân
Huân tu mà học đạo
Tuy có chút công đức

Mà lòng hay bỉ ngã
Ỗ thông minh biện bác
Lấn người không khiêm hạ
Lời cao hạnh chưa cao
Nên phải bị quả báo
Từ đây nên tự kiểm”
Ít lâu thành trí lạ
Các THÁNH đều tôn tâm
NHƯ LAI cũng như vậy

Lại có kẻ đua tương
Tranh Thượng Tọa, Ni Sư
Mượn thuyết pháp, tụng kinh
Đề mưu cầu lợi dưỡng
Dành đệ tử, chùa chiền
Lập bè đảng, quyền thuộc
Thấy có ai hơn mình
Liên thị phi tật đố
Hại thầy, bạn, phản Đạo
Lừa dối hàng tín tâm
Lời nói thật rất cao
Việc làm thật rất thấp
Lý Sự đều sai trái

Hạng ấy hiện rất nhiều
Tạo biển khổ thêm sâu
Khiến đau lòng tri-thức

Lý, Sự đại lược thế
Công đức làm sao được?
Phật là ĐẠI-Y-VƯƠNG
Pháp là DIỆU-TIÊN-DUỘC
Là phương-thuật rất mầu
Là như-ý bảo châu
Hay trừ nạn nghèo khổ
Khiến cho được giàu vui
Hay trừ tất cả bệnh
Khiến mau được bình phục
Hay trừ nạn yếu số
Khiến thọ-mạng dài lâu
Hay khỏi các tai ách
N như bão lụt, binh lửa
Giặc cướp cùng tà ngoại
Ác thú với độc xà
Các yêu ma, quỷ mị
Nạn động đất, xe, thuyền
Những phù-chú ếm-đối

Đều phá tiêu tan hết
Cho đến trừ tội chướng
Sanh trưởng phước huệ to
Cứu chúng đọa Tam Đồ
Siêu lên bờ giải thoát

Chuyên tụng một phẩm Kinh
Một Chân-Ngôn, hiệu Phật
Thì thành tựu các nguyện
Thỏa mãn các mong cầu
Chỉ sợ người không tin
Hoặc tin mà không sâu
Lại ngại không thực hành
Hoặc hành không bền lâu
Hoặc tuy hành bền lâu
Không chí tâm khẩn cầu
Chí tâm là không vọng
Trì niệm quên thân tâm
Lặng lẽ dứt phân biệt
Không trong, ngoài, người, cảnh
Khi đi, đứng, thức, ngủ
Chẳng bỏ câu trì niệm
Lúc hưỡn, gấp, an, nguy

Cũng vững vàng trì niệm
Cho đến khi sắp chết
Vẫn như thế trì niệm
Đắc, thất đều do đây
Cần chi hỏi tri thức

Không hành như trên đây
Phật cũng khó cứu vớt
Huống nữa là phạm Tăng
Giúp ích được gì đâu
Nhớ lời Cổ Đức dạy:
“Ta có một bí quyết
Khẩn thiết khuyên bảo nhau
Là hết lòng thành kính
Nhiệm mầu cực nhiệm mầu ”
Hãy ghi nhớ lời này
Lắng lòng suy gẫm sâu

Trời xanh tươi biếc một màu
Ánh trắng vẫn sáng một màu xưa nay
Mà sao đời đạo đổi thay
Cỏ hoa đượm nét u-hoài thờ-ơ
“Thuyết pháp bất đậu cơ

Chúng sanh một khổ hải ”
Đời mạt suy thế đạo lại thêm thương
Sóng dòn bọt biển tà dương
Con thuyền cứu độ khuất đường vân yên
Bụi hồng tung gió đảo điên
Vô tình mai nở diệu hiền cảnh xuân.

**Nam-mô Thánh Trí Hải Biên Chiếu
Trang Nghiêm Vương Như-Lai.**

Thích Vô Nhất

